

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI

Kỳ thi: Đánh giá năng lực Tiếng Anh (trình độ tương đương B1)

Môn thi: Kỹ năng đọc

Phòng thi: A102

Ngày thi: 24/06/2024

Ca thi: 8h00-9h00

TT	SBD	Mã đăng nhập	Mã sinh viên	Họ	Tên	Năm sinh	Số tờ	Ký tên
1	TA60146	20810420073	SV2072652	Hoàng	An	09/12/2002		
2	TA60147	20810820048	SV2072653	Nguyễn Hoàng	An	13/05/2002		
3	TA60148	20810850001	SV2072654	Bùi Thị Vân	Anh	01/11/2002		
4	TA60149	20810720033	SV2072655	Đinh Tiến	Anh	04/10/2002		
5	TA60150	19810710194	SV2072656	Lê Quốc	Anh	20/10/2001		
6	TA60151	20810610018	SV2072657	Nguyễn Đức	Anh	01/12/2002		
7	TA60152	20810710127	SV2072658	Nguyễn Hà Quỳnh	Anh	22/10/2002		
8	TA60153	ĐVTHS	SV2072659	Nguyễn Quang	Anh	17/05/1978		
9	TA60154	20810850024	SV2072660	Nguyễn Thị Vân	Anh	04/02/2002		
10	TA60155	18810650009	SV2072661	Nguyễn Tuấn	Anh	30/12/2000		
11	TA60156	20810310572	SV2072662	Phạm Đức	Anh	27/01/2002		
12	TA60157	21810220449	SV2072663	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	11/09/2003		
13	TA60158	19810710017	SV2072664	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	02/03/2001		
14	TA60159	2262010025	SV2072665	Trần Văn	Bắc	13/09/1983		
15	TA60160	20810710069	SV2072666	Phạm Văn Tuấn	Bảo	16/09/2002		
16	TA60161	20810820055	SV2072667	Nguyễn Văn	Cánh	05/08/2002		
17	TA60162	20810000019	SV2072668	Hà Thị Mai	Chi	30/11/2002		
18	TA60163	19810310039	SV2072669	Nguyễn Hải	Chiều	20/08/2001		
19	TA60164	18810320664	SV2072670	Nguyễn Văn	Chương	13/05/2000		
20	TA60165	20810420089	SV2072671	Bùi Trọng	Đại	16/04/2002		
21	TA60166	18810620038	SV2072672	Hoàng Văn	Đại	05/11/2000		
22	TA60167	18810540150	SV2072673	Trần Hải	Đăng	25/05/2000		
23	TA60168	20810610013	SV2072674	Vũ Minh	Đăng	25/11/2002		
24	TA60169	21810540470	SV2072675	Nguyễn Hữu	Đạt	17/07/2003		

Tổng số thí sinh theo danh sách:Tổng số thí sinh có mặt:.....

Tổng số bài thi:.....Tổng số tờ giấy thi:.....

Cán bộ coi thi thứ nhất

(ký ghi rõ họ tên)

Cán bộ coi thi thứ hai

(ký ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI

Kỳ thi: Đánh giá năng lực Tiếng Anh (trình độ tương đương B1)					Phòng thi: A104			
Môn thi: Kỹ năng đọc			Ca thi: 8h00-9h00		Ngày thi: 24/06/2024			
TT	SBD	Mã đăng nhập	Mã sinh viên	Họ	Tên	Năm sinh	Số tờ	Ký tên
1	TA60170	20810710285	SV2082676	Nguyễn Thành	Đạt	29/01/2002		
2	TA60171	21810310023	SV2082677	Hoàng Bích	Diệp	08/10/2003		
3	TA60172	21810710170	SV2082678	Nguyễn Thị	Diệp	30/01/2002		
4	TA60173	20810230076	SV2082679	Nguyễn Thị Ngọc	Diệp	16/07/2002		
5	TA60174	20810710238	SV2082680	Trần Hồng	Diệp	08/01/2002		
6	TA60175	2262010028	SV2082681	Tổng Bá	Đoàn	31/10/1989		
7	TA60176	20810000351	SV2082682	Phạm Hải	Đồng	05/07/2002		
8	TA60177	20810000432	SV2082683	Trần Hồng	Du	11/11/2001		
9	TA60178	18810430084	SV2082684	Nguyễn Đức	Đức	11/06/2000		
10	TA60179	19810430301	SV2082685	Nguyễn Tiến	Đức	07/03/2001		
11	TA60180	20810620032	SV2082686	Đặng Anh	Dũng	13/06/2002		
12	TA60181	20810310387	SV2082687	Nguyễn Minh	Dũng	02/09/2002		
13	TA60182	20810610035	SV2082688	Phùng Tiến	Dũng	12/23/0002		
14	TA60183	20810820060	SV2082689	Trần Văn	Dũng	04/07/2002		
15	TA60184	1781110078	SV2082690	Đỗ Thái	Dương	16/02/1999		
16	TA60185	20810830205	SV2082691	Hàn Thị Thùy	Dương	07/11/2002		
17	TA60186	20810310369	SV2082692	Đỗ Hoài	Giang	19/12/2002		
18	TA60187	20810820038	SV2082693	Nguyễn Đức	Giang	09/06/2001		
19	TA60188	21810820251	SV2082694	Nguyễn Phương	Giang	31/10/2003		
20	TA60189	20810710199	SV2082695	Nguyễn Thị Quỳnh	Giang	30/08/2002		
21	TA60190	20810820092	SV2082696	Trần Thị Thu	Hà	02/09/2002		
22	TA60191	20810230042	SV2082697	Hoàng Minh	Hằng	29/06/2002		
23	TA60192	1591210018	SV2082698	Nguyễn Gia	Hiền	15/04/1997		
24	TA60193	20810000225	SV2082699	Ngô Quang	Hiếu	12/05/2002		
25	TA60194	21810310144	SV2082700	Phạm Thị Thu	Hoài	12/02/2003		

Tổng số thí sinh theo danh sách:Tổng số thí sinh có mặt:.....

Tổng số bài thi:.....Tổng số tờ giấy thi:.....

Cán bộ coi thi thứ nhất
(ký ghi rõ họ tên)

Cán bộ coi thi thứ hai
(ký ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI

Kỳ thi: Đánh giá năng lực Tiếng Anh (trình độ tương đương B1)

Môn thi: Kỹ năng đọc

Phòng thi: A107

Ngày thi: 24/06/2024

Ca thi: 8h00-9h00

TT	SBD	Mã đăng nhập	Mã sinh viên	Họ	Tên	Năm sinh	Số tờ	Ký tên
1	TA60195	20810160451	SV2092701	Đinh Văn	Hoan	21/01/2002		
2	TA60196	20810610263	SV2092702	Nguyễn Văn	Hoàng	01/03/2002		
3	TA60197	20810710099	SV2092703	Ninh Văn	Hoàng	29/10/2002		
4	TA60198	20810710193	SV2092704	Nguyễn Ánh	Hồng	29/06/2002		
5	TA60199	20810510093	SV2092705	Nguyễn Văn	Hùng	14/06/2002		
6	TA60200	20810620003	SV2092706	Vũ Mạnh	Hùng	11/01/2002		
7	TA60201	20810710237	SV2092707	Phan Thu	Hương	27/05/2002		
8	TA60202	20819120023	SV2092708	Hoàng Quốc	Huy	14/04/2002		
9	TA60203	18810710169	SV2092709	Trần Chí	Huy	16/12/2000		
10	TA60204	20810710174	SV2092710	Chu Thanh	Huyền	16/04/2002		
11	TA60205	20810830226	SV2092711	Phạm Khánh	Huyền	01/10/2002		
12	TA60206	21810180382	SV2092712	Vũ Hoàng	Kế	27/05/2003		
13	TA60207	18810410153	SV2092713	Nguyễn Văn	Kha	04/08/1999		
14	TA60208	18810320651	SV2092714	Phạm Quang	Khải	21/05/2000		
15	TA60209	18810170109	SV2092715	Nguyễn Văn	Khang	21/04/2000		
16	TA60210	20810160556	SV2092716	Nguyễn Văn	Khánh	03/07/2002		
17	TA60211	20810820041	SV2092717	Lê Đình	Khoa	16/04/2002		
18	TA60212	20810310296	SV2092718	Lê Trần Trung	Kiên	07/04/2002		
19	TA60213	20810710123	SV2092719	Nguyễn Trung	Kiên	10/08/2002		
20	TA60214	19810110386	SV2092720	Nguyễn Văn	Kiên	15/10/2001		
21	TA60215	19810420256	SV2092721	Lê Xuân	Lâm	24/08/2001		
22	TA60216	21810830233	SV2092722	Nguyễn Thị	Linh	29/10/2002		
23	TA60217	20810660272	SV2092723	Nguyễn Văn	Linh	16/06/2002		
24	TA60218	20810830212	SV2092724	Phạm Thùy	Linh	07/01/2002		

Tổng số thí sinh theo danh sách:Tổng số thí sinh có mặt:.....

Tổng số bài thi:.....Tổng số tờ giấy thi:.....

Cán bộ coi thi thứ nhất
(ký ghi rõ họ tên)

Cán bộ coi thi thứ hai
(ký ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI

Kỳ thi: Đánh giá năng lực Tiếng Anh (trình độ tương đương B1)						Phòng thi: A108		
Môn thi: Kỹ năng đọc			Ca thi: 8h00-9h00			Ngày thi: 24/06/2024		
TT	SBD	Mã đăng nhập	Mã sinh viên	Họ	Tên	Năm sinh	Số tờ	Ký tên
1	TA60219	20810710251	SV2102725	Nguyễn Đức	Long	27/11/2002		
2	TA60220	19810000160	SV2102726	Nguyễn Văn	Long	05/06/2001		
3	TA60221	19810310621	SV2102727	Phí Thành	Long	24/12/2000		
4	TA60222	18810310165	SV2102728	Vu Phi	Long	25/12/2000		
5	TA60223	18810620138	SV2102729	Trần Tiến	Lực	11/08/2000		
6	TA60224	20810710082	SV2102730	Nguyễn Phương	Ly	03/06/2002		
7	TA60225	20810000308	SV2102731	Hoàng Văn	Mạnh	10/10/2002		
8	TA60226	18810310414	SV2102732	Nguyễn Đức	Mạnh	17/11/2000		
9	TA60227	20810820062	SV2102733	Trần Văn	Mạnh	01/09/2002		
10	TA60228	20810710073	SV2102734	Lê Ngọc	Minh	21/10/2002		
11	TA60229	20810610011	SV2102735	Mai Trọng Quang	Minh	19/10/2002		
12	TA60230	19810310021	SV2102736	Lưu Ngọc	Nam	22/03/2001		
13	TA60231	1781610065	SV2102737	Nguyễn Văn	Nam	30/01/1999		
14	TA60232	18810320715	SV2102738	Phạm Đức	Nam	01/12/2000		
15	TA60233	20810820070	SV2102739	Đỗ Thanh	Nga	10/01/2002		
16	TA60234	19810850006	SV2102740	Phạm Quang	Nghĩa	13/07/2001		
17	TA60235	18810310458	SV2102741	Nguyễn Văn	Nghiêm	14/10/2000		
18	TA60236	20810000416	SV2102742	Ngô Quang	Nghiệp	09/07/2002		
19	TA60237	19810230014	SV2102743	Nguyễn Thị Bích	Ngọc	08/01/2001		
20	TA60238	18810340098	SV2102744	Vũ Hồng	Ngọc	22/06/2000		
21	TA60239	21810710178	SV2102745	Nguyễn Vũ Bảo	Nguyên	21/12/2003		
22	TA60240	21810180290	SV2102746	Phạm Bình	Nguyên	01/07/2003		
23	TA60241	ĐVTHS	SV2102747	Phạm Đức	Nhân	29/05/2000		
24	TA60242	20810820076	SV2102748	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	20/07/2002		
25	TA60243	20810160459	SV2102749	Vũ Văn	Ninh	12/04/2002		
26	TA60244	20810420096	SV2102750	Hoàng Trung	Phong	21/04/2002		
27	TA60245	19810420010	SV2102751	Nguyễn Văn	Phú	19/01/2001		
28	TA60246	20810110265	SV2102752	Lê Đình	Phương	27/12/2002		
29	TA60247	19810310323	SV2102753	Ngô Xuân	Quang	12/05/2001		
30	TA60248	20810710296	SV2102754	Nguyễn Quang	Sang	06/10/2002		
31	TA60249	19810230010	SV2102755	Dương Ngọc	Son	03/03/2001		
32	TA60250	20810110261	SV2102756	Nguyễn Hồng	Son	25/04/2002		

Tổng số thí sinh theo danh sách:Tổng số thí sinh có mặt:.....

Tổng số bài thi:.....Tổng số tờ giấy thi:.....

Cán bộ coi thi thứ nhất
(ký ghi rõ họ tên)

Cán bộ coi thi thứ hai
(ký ghi rõ họ tên)

TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐIỆN LỰC
HỘI ĐỒNG THI ĐGNL TIẾNG ANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI

Kỳ thi: Đánh giá năng lực Tiếng Anh (trình độ tương đương B1)
Môn thi: Kỹ năng đọc **Ca thi:** 8h00-9h00

Phòng thi: A105
Ngày thi: 24/06/2024

TT	SBD	Mã đăng nhập	Mã sinh viên	Họ	Tên	Năm sinh	Số tờ	Ký tên
1	TA60251	20810830194	SV2112757	Đỗ Huệ	Tâm	16/04/2002		
2	TA60252	19810110004	SV2112758	Đỗ Xuân	Thạch	25/11/2001		
3	TA60253	19810660061	SV2112759	Bùi Quảng	Thái	21/10/2001		
4	TA60254	22810310070	SV2112760	Phạm Trần	Thái	17/06/2004		
5	TA60255	20810170375	SV2112761	Nguyễn Đức	Thắng	21/11/2002		
6	TA60256	21810670286	SV2112762	Nguyễn Văn	Thắng	17/09/2003		
7	TA60257	19810310681	SV2112763	Võ Thanh	Thắng	21/05/1997		
8	TA60258	1781320026	SV2112764	Bùi Công	Thành	27/08/1999		
9	TA60259	18810310293	SV2112765	Nguyễn Tiến	Thành	20/09/2000		
10	TA60260	19810830099	SV2112766	Bùi Phương	Thảo	21/09/2001		
11	TA60261	19810810197	SV2112767	Nguyễn Thị	Thảo	16/05/2001		
12	TA60262	20810850021	SV2112768	Vũ Thị Phương	Thảo	21/07/2002		
13	TA60263	20810850009	SV2112769	Cao Anh	Thư	15/11/2002		
14	TA60264	18810710207	SV2112770	Đỗ Thị	Thúy	15/08/2000		
15	TA60265	21810710098	SV2112771	Hoàng Thu	Thủy	15/11/2003		
16	TA60266	20810170381	SV2112772	Lại Thế	Tình	02/11/2001		
17	TA60267	18810310606	SV2112773	Đậu Quốc	Toàn	08/02/2000		
18	TA60268	19810000515	SV2112774	Phạm Văn	Toàn	15/03/2001		
19	TA60269	20810830044	SV2112775	Lê Thanh	Trà	16/07/2002		
20	TA60270	20810850007	SV2112776	Hà Thị	Trang	04/04/2002		
21	TA60271	20810850062	SV2112777	Hoàng Huyền	Trang	27/06/2002		
22	TA60272	21810230426	SV2112778	Nguyễn Thị	Trang	05/12/2003		
23	TA60273	20810810137	SV2112779	Nguyễn Thị Thu	Trang	21/10/2002		
24	TA60274	20810170418	SV2112780	Lê Minh	Trí	12/12/2002		
25	TA60275	2162010040	SV2112781	Đặng Quang	Trung	10/03/1993		
26	TA60276	19810310610	SV2112782	Nguyễn Đức	Tú	26/08/2001		
27	TA60277	20810310273	SV2112783	Trần Anh	Tuấn	03/12/2002		
28	TA60278	18810310248	SV2112784	Nguyễn Công	Tuệ	10/02/2000		
29	TA60279	20810000121	SV2112785	Hà Tài	Tùng	03/01/2002		
30	TA60280	19810310127	SV2112786	Trần Sơn	Tùng	05/01/2001		
31	TA60281	20810000193	SV2112787	Chu Ánh	Tuyết	18/04/2002		
32	TA60282	2162010044	SV2112788	Nguyễn Thị	Uyên	12/12/1992		
33	TA60283	20810710107	SV2112789	Phạm Thị Tú	Uyên	02/12/2002		
34	TA60284	20810610249	SV2112790	Phùng Huy	Văn	08/05/2002		
35	TA60285	18810620059	SV2112791	Trần Anh	Việt	18/07/2000		
36	TA60286	20810710228	SV2112792	Đỗ Công	Vũ	13/12/2002		
37	TA60287	20810170363	SV2112793	Trần Hải	Yến	13/10/2002		

Tổng số thí sinh theo danh sách:Tổng số thí sinh có mặt:.....

Tổng số bài thi:.....Tổng số tờ giấy thi:.....

Cán bộ coi thi thứ nhất
(ký ghi rõ họ tên)

Cán bộ coi thi thứ hai
(ký ghi rõ họ tên)